

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN IA GRAI
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2017

*“V/v yêu cầu ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông R Châm Đương;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên;

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2017/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2017 về việc “Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Khuru Thị Cẩm A; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 8, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Q; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn 8, xã T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Khuru Thị Cẩm A trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Khuru Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07-11-1994 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (Nay là thị xã A), tỉnh Bình Định. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến việc cãi vã do bất đồng quan điểm, ông Q thường xuyên rượu chè, nhậu nhẹt và đánh đập bà A. Bà A và ông Q đã sống ly thân từ tháng 11-2016 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Do vậy, bà A yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

- Về con chung: Bà Khuru Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q có 02 con chung là Phạm Nhật V, sinh ngày 06-11-1995 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26-02-2006. Đối với cháu Phạm Nhật V đã thành niên, có khả năng lao động nên bà A không yêu cầu

Tòa án giải quyết, bà A chỉ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K và tự nguyện không yêu cầu ông Phạm Văn Q phải cấp dưỡng nuôi con. Bà A làm nghề thu mua ve chai có thu nhập ổn định, bảo đảm khả năng nuôi con theo nguyện vọng.

- Về chia tài sản chung: Không có.

2. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn Phạm Văn Q đến làm việc liên quan đến vụ án nhưng ông Q cố tình trốn tránh, không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, hồ sơ không có lời khai của ông Q.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ: Chứng minh nhân dân của ông Phạm Văn Q (bản photo); Chứng minh nhân dân của bà Khưu Thị Cẩm A (bản sao); Sổ hộ khẩu Phạm Văn Q (bản sao); Chứng nhận kết hôn của ông Phạm Văn Q và bà Khưu Thị Cẩm A (bản sao); Giấy khai sinh cháu Phạm Nhật V (bản sao); Giấy khai sinh cháu Phạm Đăng K (bản sao); Bản tự khai.

4. Tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện G (bản gốc); Biên bản hỏi ý kiến con chưa thành niên ngày 24/5/2017 của cháu Phạm Đăng K (bản gốc);

5. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn, đã được Tòa án tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vẫn không có mặt theo Giấy triệu tập, không cung cấp chứng cứ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Bà Khưu Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 07-11-1994 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A (Nay là thị xã A), tỉnh Bình Định. Bà Khưu Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử thấy rằng, trong quá trình chung sống, bà A và ông Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc chửi bới, xúc phạm lẫn nhau. Tại biên bản xác minh ngày 30-3-2017 của Tòa án nhân dân huyện G cũng đã thể hiện, trong quá trình chung sống tại thôn 8, T, huyện G thì bà A và ông Q thường xuyên xảy ra mâu

thuần, thường xuyên cãi vã, xúc phạm lẫn nhau và nhiều lần đánh nhau. Ngoài ra, ông Q cũng không tham gia các phiên hòa giải để đoàn tụ do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa cũng vắng mặt, điều đó cho thấy ông Q không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải để vợ chồng được đoàn tụ. Mặt khác, bà A và ông Q đã sống ly thân từ tháng 11-2016 cho đến nay. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà A và ông Q đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà A.

[3] Về con chung: Bà Khuru Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q có 02 con chung là Phạm Nhật V, sinh ngày 06-11-1995 và Phạm Đăng K, sinh ngày 26-02-2006. Đối với cháu Phạm Nhật V đã thành niên, có khả năng lao động nên bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét nguyện vọng của bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Đăng K, Hội đồng xét xử thấy rằng nguyện vọng nuôi con của bà A cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K. Hơn nữa ông Q đều vắng mặt tại các phiên hòa giải và cả tại phiên tòa đã cho thấy ông Q không có ý thức chấp hành pháp luật, không thực sự có thiện chí mong muốn được Tòa án hòa giải và cũng không có nguyện vọng nuôi con nên chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà A. Bà A không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con, đây là quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Bà Khuru Thị Cẩm A đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Khuru Thị Cẩm A là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Khuru Thị Cẩm A và ông Phạm Văn Q.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Phạm Đăng K, sinh ngày 26-02-2006 cho bà Khuru Thị Cẩm A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Phạm Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Đăng K.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc bà Khuru Thị Cẩm A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0000263 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Bà Khuru Thị Cẩm A đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- UBND xã Nhơn Phúc;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính